

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2025/HS-ST

Ngày: 08-5-2025

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trang Thị Cẩm Nhuận
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Công chức Tòa án hỗ trợ tổ chức phiên tòa trực tuyến tại điểm cầu thành phần: Ông Đặng Văn T – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2025, tại 02 điểm cầu: Điểm cầu Trung tâm tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần và điểm cầu thành phần tại phòng Phân trại tạm giam khu vực huyện T, Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tuyến vụ án hình sự thụ lý: 28/2025/TLST-HS ngày 07 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2025/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 4 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 10/2025/HSST- QĐ ngày 16/4/2025 đối với các bị cáo:

1/ Trần Văn S; Giới tính: Nam; Không có tên gọi khác; Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1984 tại huyện T, tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: Ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông: Trần Văn H, sinh năm 1948 đã chết và bà Trang Thị Đ, sinh năm 1947; Anh chị em ruột 04 người kể cả bị cáo: lớn nhất sinh năm 1978 và nhỏ nhất sinh năm 1986; Vợ Trương Thị Cẩm L, sinh năm 1986; con có 02 người lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án và tiền sự không có; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/12/2024 đến ngày 26/12/2024 chuyển sang tạm giam cho đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2/ Trương Thị Cẩm L; Giới tính: Nữ; Không có tên gọi khác; Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1986 tại huyện T, tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: Ấp N, xã N, huyện T,

tỉnh Trà Vinh. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ học vấn: 05/12; Con ông: Trương Văn T1, sinh năm 1960 và bà Huỳnh Thị H1, sinh năm 1960; Anh chị em ruột 03 người kể cả bị cáo: lớn nhất là bị cáo và nhỏ nhất sinh năm 1999; chồng là Trần Văn S, sinh năm 1984; con có 02 người lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án và tiền sự không có; Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/02/2025 cho đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

3/ Nguyễn Bình P; Giới tính: Nam; Không có tên gọi khác; Sinh ngày 11 tháng 5 năm 1981 tại huyện T, tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: công giáo; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 06/12; Con ông: Nguyễn Văn A, sinh năm 1958 và bà Võ Thị H2, sinh năm 1956 đã chết; Anh chị em ruột 05 người kể cả bị cáo: lớn nhất sinh năm 1978 và nhỏ nhất sinh năm 1990; vợ là Nguyễn Thị B, sinh năm 1983; con có 01 người sinh năm 2003; tiền án và tiền sự không có; Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/12/2024 cho đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn S:*

Luật sư Trần Kiến Q- thuộc văn phòng luật sư Lâm Khắc Sinh đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh.

Địa chỉ: ấp N, xã H, huyện TC, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Vương Kim T2, sinh năm 1969 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

2. Huỳnh Thị L1, sinh năm 1965 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

3. Danh T3, sinh năm 1991 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

4. Nguyễn Hữu L2 sinh năm 1983(có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Ngã Tư, xã Ngãi Hùng, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh

5. Đặng Thị Mỹ K sinh năm 1989(có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

6. Nguyễn Văn T4, sinh năm 1970 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Ngã Tư, xã Ngãi Hùng, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh

7. Nguyễn Thị N sinh năm 1965 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

8. Nguyễn Văn N1 sinh năm 1966 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

9. Trần Thị L3 sinh năm 1977 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

10. Lê Quang T5 sinh năm 1976 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

11. Nguyễn Hoàng D sinh năm 1961 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh

12. Nguyễn Văn V, sinh năm 1963 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

13. Nguyễn Thị Cẩm N2, sinh năm 1992 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 20/12/2024, lợi dụng việc Nhà nước mở thưởng kết quả xổ số kiến thiết ở các tỉnh Trà Vinh, Vĩnh Long và Bình Dương (đài M), các tỉnh Gia Lai, Ninh Thuận (đài M) và đài Miền B, bị cáo Trần Văn S cùng với bị cáo Trương Thị Cẩm L, đã đánh bạc với hình thức bán số đề, được thua bằng tiền. Trong quá trình đánh bạc, bị cáo S ghi trực tiếp hoặc sử dụng điện thoại di động, có gắn sim 0783.849.149 và 0564.231.077 để nhắn tin văn bản, zalo, mua bán số đề. Riêng đối với bị cáo L, khi đánh bạc bị cáo L trực tiếp bán số đề, sau khi bán số đề cho người chơi thì bị cáo L ghi các con số đề vào tờ phôi rồi đưa cho bị cáo S hoặc gửi tin nhắn cho bị cáo S để bị cáo S tính tiền ăn thua. Quá trình bán số đề thì bị cáo S làm chủ lô đề và chiết ra các con số đề chuyển cho bị cáo P để hưởng huê hồng.

Bị cáo S quy ước cho người chơi, nếu người chơi bao lô hai con số ở đài M và đài Miền T6 thì bị cáo S tính tiền là 13 lô hoặc 14 lô; số đá cặp ở một đài thì 1.000 đồng, tính tiền 26.000 đồng hoặc 28.000 đồng, số đá ba con số ở một đài thì 1.000 đồng, tính tiền 39.000 đồng hoặc 42.000 đồng. Nếu người chơi bao lô hai con số ở đài M thì tính tiền là 19 lô hoặc 20 lô, số đá cặp thì 1.000 đồng, tính tiền là 40.000 đồng, số đá ba con thì 1.000 đồng, tính tiền là 60.000 đồng. Đồng thời, quy ước trúng thưởng nếu trúng thưởng hai con số thì 1.000 đồng, trúng thưởng 70.000 đồng, ba con số thì 1.000 đồng, trúng thưởng 600.000 đồng, số đá hai con thì 1.000 đồng, trúng thưởng 600.000 đồng, số đá ba con thì 1.000 đồng, trúng thưởng 1.200.000 đồng. Do đó, vào ngày 20/12/2024 bị cáo S và bị cáo L đã thực hiện hành vi đánh bạc như sau:

Vào ngày 20/12/2024 bị cáo S sử dụng điện thoại di động, có gắn sim 0983.849.149, có tên zalo “Sóng Tĩnh” để bán số đề cho những người sau:

1/ Bị cáo Nguyễn Bình P: Bị cáo P sử dụng điện thoại di động, có gắn sim 0377.129.434 có tên zalo “Bình Ho” nhắn tin zalo cho bị cáo S mua các số đề sau:

Đài M (Trà Vinh, Vĩnh Long, Bình Dương): Mua số 82 đá 95 đá 10, với số tiền 2.000 đồng (2.000 đồng x 39.000 đồng x 03 đài) tính tiền là 234.000 đồng.

Đài B: Mua số 29 đá 07 đá 92, số tiền 5.000 đồng, tính tiền là 195.000 đồng. Mua số 29, 07, 92 bao lô mỗi số 20.000 đồng x 13 lô/mỗi số, tính tiền là 780.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo P mua số đề của bị cáo S ở đài M với số tiền là 1.209.000 đồng.

Kết quả bị cáo P trúng thưởng Đài B các con số đề sau:

Số 07 đá 92 đá 29, 01 lô, số tiền 5.000 đồng, tính tiền là 6.000.000 đồng. Số 07, 01 lô, 20.000 đồng x 70, tính tiền là 1.400.000 đồng. Số 92, 01 lô, 20.000 đồng x 70, tính tiền là 1.400.000 đồng. Số 29, 01 lô, 20.000 đồng x 70, tính tiền là

1.400.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo P trúng thưởng số đề ở đài M là 10.200.000 đồng.

Tổng số tiền bị cáo S đánh bạc với bị cáo P ở đài M là 11.409.000 đồng (Bị cáo S và bị cáo P chưa tính tiền).

2/ Vương Kim T2, sinh năm 1969, ngụ ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh: T2 sử dụng điện thoại di động, hiệu S1 A10S, màu đen, có gắn sim 0986.122.749 nhắn tin cho bị cáo S mua các con số đề sau:

Đài T: Mua các số 32, 49, 51, 551, 72, 072, 67, 79, 85, 88, 99, 499, bao lô mỗi số 5.000 đồng x 14 lô/mỗi số, tính tiền 840.000 đồng. Đài V: Mua các số 99, 499, bao lô mỗi số 5.000 đồng x 14 lô/mỗi số, tính tiền 140.000 đồng. Tổng số tiền T2 mua số đề của bị cáo S là 980.000 đồng.

Kết quả, T2 trúng thưởng Đài Trà Vinh các con số đề sau: Số 51, 01 lô, 5000 đồng x 70, tính tiền là 350.000 đồng. Số 79, 01 lô, 5000 đồng x 70, tính tiền là 350.000 đồng. Tổng số tiền mà T2 trúng thưởng số đề ở đài M là 700.000 đồng.

Tổng số tiền bị cáo S đánh bạc với Vương Kim T2 ở đài M là 1.680.000 đồng (Bị cáo S và T2 chưa tính tiền).

3/ Huỳnh Thị L1, sinh năm 1965, ngụ ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh: Lê sử dụng điện thoại di động, hiệu S1 A05, màu xanh có gắn sim 0778.825.733, có tên zalo 'Lê Q' nhắn tin zalo cho bị cáo S mua các số đề sau:

Đài T: Mua số 47 bao lô 10.000 đồng x 14 lô, tính tiền là 140.000 đồng. Mua số 47 đầu 30.000 đồng, đuôi 30.000 đồng, tính tiền 60.000 đồng. Đài B: Mua số 45 bao lô 3.000 đồng x 14 lô, tính tiền là 42.000 đồng. Mua số 54 bao lô 2.000 đồng x 14 lô, tính tiền là 28.000 đồng. Tổng số tiền Lê mua số đề của bị cáo S là 270.000 đồng.

Kết quả, L1 không trúng thưởng. Tổng số tiền bị cáo S đánh bạc với Huỳnh Thị L1 ở đài M là 270.000 đồng (Bị cáo S và L1 chưa tính tiền).

4/ Danh T3, sinh năm 1991, ngụ ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh: Tý sử dụng điện thoại di động, hiệu Redmi note 10S, có gắn sim 0786.873.053, có tên zalo "Danh Ty" nhắn tin zalo cho bị cáo S để mua các số đề sau:

Đài T: Mua các số 59, 25, bao lô mỗi số 5.000 đồng x 13 lô/mỗi số, tính tiền là 130.000 đồng. Mua số 725 bao lô 3.000 đồng x 13 lô, tính tiền là 39.000 đồng. Đài V: Mua số 59 bao lô 5.000 đồng x 13 lô, tính tiền là 65.000 đồng. Đài B: Mua số 59 bao lô 5.000 đồng x 13 lô, tính tiền 65.000 đồng. Tổng số tiền T3 mua số đề của bị cáo S là 299.000 đồng.

Kết quả, T3 trúng thưởng đài Trà Vinh số 25, 01 lô, 5.000 đồng x 70, tính tiền là 350.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo S đánh bạc với Danh T3 ở đài M là 649.000 đồng (Bị cáo S và T3 chưa tính tiền).

5/ Nguyễn Hữu L2, sinh năm 1983, ngụ ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh: L2 sử dụng điện thoại di động, hiệu Samsung Galaxy, có gắn sim 0365.555.194, có tên zalo "Nguyễn L2" nhắn tin zalo cho bị cáo S mua các con số đề sau:

Đài T: Mua các số 68, 63 bao lô mỗi số 10.000 đồng x 13 lô/ mỗi số, tính tiền là 260.000 đồng. Mua số 368, 963, bao lô mỗi số 6.000 đồng x 13 lô/mỗi số, tính tiền là 156.000 đồng. Đài V: Mua các số 68, 63 bao lô mỗi số 10.000 đồng x 13 lô/mỗi số, tính tiền là 260.000 đồng. Mua các số 368, 963, bao lô mỗi số 2.000 đồng x 13 lô/mỗi số, tính tiền là 52.000 đồng. Đài B: Mua các số 68, 63 bao lô mỗi số 10.000 đồng x 13 lô/mỗi số, tính tiền là 260.000 đồng. Mua các số 368, 963, bao lô mỗi số 2.000 đồng x 13 lô/mỗi số, tính tiền là 52.000 đồng. Tổng số tiền L2 mua số đề của bị cáo S là 1.040.000 đồng.

Kết quả, không trúng thưởng. Tổng số tiền bị cáo S đánh bạc với Nguyễn Hữu L2 ở đài M là 1.040.000 đồng (Bị cáo S và L2 chưa tính tiền).

Đài Miền Trung (Gia Lai, Ninh Thuận):

Đài Gia Lai: Mua số 68 bao lô 17.000 đồng x 14 lô, tính tiền là 238.000 đồng. Mua số 268 bao lô 3.000 đồng x 14 lô, tính tiền là 42.000 đồng.

Đài N: Mua số 68 bao lô 17.000 đồng x 14 lô, tính tiền 238.000 đồng. Mua số 268 bao lô 3.000 đồng x 14 lô, tính tiền là 42.000 đồng.

Tổng số tiền bị cáo S đánh bạc với Nguyễn Hữu L2 ở đài miền T6 là 560.000 đồng (Bị cáo S và L2 chưa tính tiền).

6/ Đặng Thị Mỹ K, sinh năm 1989, ngụ ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh: K sử dụng điện thoại di động, hiệu S1 J4, màu xanh, có gắn sim 0988.735.107 có tên zalo “Bua” nhắn tin cho bị cáo S mua các số đề sau:

Đài T: Mua số 064 đầu 200.000 đồng, đuôi 200.000 đồng, tính tiền là 400.000 đồng. Mua số 884 đầu 25.000 đồng, đuôi 25.000 đồng, tính tiền là 50.000 đồng. Mua số 666 đầu 25.000 đồng, đuôi 25.000 đồng, tính tiền là 50.000 đồng. Tổng số tiền K mua số đề của bị cáo S là 500.000 đồng nhưng bị cáo S chỉ tính tiền là 450.000 đồng.

Kết quả, không trúng thưởng. Tổng số tiền bị cáo S đánh bạc với Đặng Thị Mỹ K ở đài M là 450.000 đồng (Bị cáo S và K chưa tính tiền,).

7/ Một người đàn ông (không xác định họ, tên, địa chỉ cụ thể) trực tiếp gặp bị cáo S mua các con số đề sau:

Đài M: Mua các số 28, 82, 58 bao lô mỗi số 2.000 đồng x 20 lô/mỗi số, tính tiền là 120.000 đồng (Bị cáo S và người đàn ông trên đã tính tiền).

Như vậy, tổng số tiền bị cáo S bán số đề vào ngày 20/12/2024 cho 06 người gồm bị cáo Nguyễn Bình P; Vương Kim T2; Huỳnh Thị L1; Danh Tý; Nguyễn Hữu L2; Đặng Thị Mỹ K ở đài M với số tiền 15.498.000 đồng; ở đài miền T cho Nguyễn Hữu L2 với số tiền 560.000 đồng và một người đàn ông ở đài M với số tiền 120.000 đồng.

Sau khi bị cáo S ghi số đề cho những người trên thì bị cáo S chiết các số đề chuyển cho bị cáo P bằng tin nhắn zalo các con số đề sau:

Đài T: Các số 68, 63, 52, 47, 32, 49, 51, 72, 67, 79, 85, 88, 99 bao lô mỗi số 5.000 đồng x 13 lô/mỗi số, tính tiền là 845.000 đồng. Đài V: Các số 68, 63, 99 bao lô mỗi số 5.000 đồng x 13 lô/mỗi số, tính tiền là 195.000 đồng. Đài B: Các số 68, 63

bao lô mỗi số 5.000 đồng x 13 lô/mỗi số, tính tiền là 130.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo S chuyển cho bị cáo P ở đài M là 1.170.000 đồng.

Kết quả, trúng thưởng Đài T các con số đề sau: Số 51, 01 lô, 5000 đồng x 70, tính tiền là 350.000 đồng. Số 79, 01 lô, 5000 đồng x 70, tính tiền 350.000 đồng.

Tổng số tiền bị cáo S đánh bạc với bị cáo P ở đài M là 1.870.000 đồng (Bị cáo S và bị cáo P chưa tính tiền).

Đài M (Gia Lai và Ninh Thuận): Số 68 bao lô 10.000 đồng x 13 lô x 2 đài, tính tiền là 260.000 đồng.

Đài Miền B: Các số 28, 82, 58, bao lô mỗi số 2.000 đồng x 20 lô/mỗi số, tính tiền là 120.000 đồng

Như vậy, vào ngày 20/12/2024 bị cáo S đánh bạc với bị cáo P ở đài M với số tiền 1.870.000 đồng; ở đài M với số tiền 260.000 đồng và ở đài M với số tiền 120.000 đồng.

Vào ngày 20/12/2024 bị cáo L bán số đề cho những người sau:

1/ Nguyễn Văn T4, sinh năm 1970, ngụ ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh: Tươi trực tiếp gặp bị cáo L mua các số đề sau:

Đài T: Mua số 37 bao lô 5.000 đồng x 14 lô, tính tiền là 70.000 đồng. Mua các số 52, 152 bao lô mỗi số 10.000 đồng x 14 lô/mỗi số, tính tiền là 280.000 đồng. Kết quả, trúng thưởng số 37, 01 lô, 5.000 đồng x 70, tính tiền 350.000 đồng.

Tổng số tiền bị cáo L đánh bạc với Nguyễn Văn T4 ở đài M là 700.000 đồng (Bị cáo L và T4 đã tính tiền).

2/ Nguyễn Thị N, sinh năm 1965, ngụ ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh: Nương trực tiếp gặp bị cáo L mua các số đề sau:

Đài T: Mua số 17 đầu 30.000 đồng, đuôi 30.000 đồng, tính tiền là 60.000 đồng. Mua số 17 bao lô 5.000 đồng x 14 lô, tính tiền là 70.000 đồng.

Đài V: Mua số 17 đầu 30.000 đồng, đuôi 30.000 đồng, tính tiền là 60.000 đồng. Mua số 17 bao lô 5.000 đồng x 14 lô, tính tiền là 70.000 đồng.

Đài B: Mua số 17 đầu 20.000 đồng, đuôi 20.000 đồng, tính tiền là 40.000 đồng. Mua số 17 bao lô 5.000 đồng x 14 lô, tính tiền là 70.000 đồng.

Kết quả không trúng thưởng.

Tổng số tiền bị cáo L đánh bạc với Nguyễn Thị N ở đài M là 370.000 đồng (Bị cáo L và N đã tính tiền).

3/ Nguyễn Văn N1, sinh năm 1966, ngụ ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh: Nét trực tiếp gặp bị cáo L mua các số đề sau:

Đài T: Mua số 31 đầu 5.000 đồng, đuôi 5.000 đồng, tính tiền là 10.000 đồng. Mua số 10 đầu 5.000 đồng, đuôi 5.000 đồng, tính tiền là 10.000 đồng.

Đài V: Mua số 31 đầu 10.000 đồng, đuôi 10.000 đồng, tính tiền là 20.000 đồng. Mua số 10 đầu 5.000 đồng, đuôi 5.000 đồng, tính tiền là 10.000 đồng.

Đài B: Mua số 31 đầu 10.000 đồng, đuôi 10.000 đồng, tính tiền là 20.000 đồng. Mua số 10 đầu 5.000 đồng, đuôi 5.000 đồng, tính tiền là 10.000 đồng.

Kết quả không trúng thưởng. Tổng số tiền bị cáo L đánh bạc với Nguyễn Văn N1 ở đài M là 80.000 đồng (Bị cáo L và N1 đã tính tiền).

Trong quá trình N1 trực tiếp mua số đề của bị cáo L thì ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1963, ngụ ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh, có hùn tiền 60.000 đồng với N1 để mua số đề nhưng bị cáo L không biết.

4/ Trần Thị L3, sinh năm 1977, ngụ ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh: Lệ trực tiếp gặp bị cáo L mua các số đề sau:

Đài M (Gia Lai): Mua số 58 đá 43, 2.000 đồng, tính tiền là 60.000 đồng (do mua ít nên bị cáo Linh tính đá 1.000 đồng là 30.000 đồng), bị cáo L và L3 chưa tính tiền).

5/ Lê Quang T5, sinh năm 1976, ngụ ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh: T5 trực tiếp gặp bị cáo L mua các số đề sau:

Đài M (Trà Vinh, Vĩnh Long, Bình Dương): Mua số 17 bao lô 3.000 đồng x 03 đài x 14 lô/mỗi đài, tính tiền 126.000 đồng. Kết quả không trúng thưởng. Tổng số tiền bị cáo L đánh bạc với Lê Quang T5 ở đài M là 126.000 đồng.

6/ Nguyễn Hoàng D, sinh năm 1961, ngụ ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh: D trực tiếp gặp bị cáo L mua các số đề sau:

Đài M (Trà Vinh, Vĩnh Long, Bình Dương): Mua số 11 đá 39, 1.000 đồng x 03 đài, tính tiền số tiền 84.000 đồng. Mua số 11 bao lô 5.000 đồng x 03 đài x 14 lô/mỗi đài, tính tiền 210.000 đồng.

Kết quả không trúng thưởng. Tổng số tiền bị cáo L đánh bạc với Nguyễn Hoàng D ở đài M là 294.000 đồng (Bị cáo L bớt cho D 13.000 đồng, D đưa tiền cho bị cáo L là 281.000 đồng).

7/ Một người đàn ông (không rõ lai lịch và địa chỉ) trực tiếp gặp bị cáo L mua số đề sau: Đài T: Mua số 17 đá 36, 1.000 đồng, tính tiền là 28.000 đồng.

8/ Một người đàn ông (không rõ lai lịch và địa chỉ) trực tiếp gặp bị cáo L mua số đề sau:

Đài T: Mua số 31 bao lô 5.000 đồng x 14 lô = 70.000 đồng. Mua số 67 bao lô 5.000 đồng x 14 lô = 70.000 đồng. M (Trà Vinh, Vĩnh Long, Bình Dương): Mua các số 68, 69 bao lô mỗi số 5.000 đồng x 14 lô, tính tiền là 420.000 đồng. Mua số 81 bao lô 3.000 đồng x 14 lô, tính tiền 126.000 đồng. Mua số 69 đá 32, 1.000 đồng, tính tiền 84.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo L bán số đề cho người đàn ông ở đài M là 770.000 đồng.

9/ Một người phụ nữ (không rõ lai lịch và địa chỉ) trực tiếp gặp bị cáo L mua số đề sau:

Đài M (Gia Lai, Ninh Thuận): Số 32 đá 69 đá 53, 1.000 đồng, tính tiền là 84.000 đồng. Số 69 bao lô 5.000 đồng x 14 lô x 02 đài, tính tiền là 140.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo L bán số đề cho người phụ nữ ở đài M là 224.000 đồng.

Tổng số tiền bị cáo L bán số đề cho 07 người gồm Nguyễn Văn T4; Nguyễn Thị N; Nguyễn Văn N1; Lê Quang T5; Nguyễn Hoàng D và hai người đàn ông ở đài M với số tiền 2.355.000 đồng và 02 người (Trần Thị L3 và một người phụ nữ) ở đài M là 284.000 đồng.

Sau khi bán số đề cho những người trên thì bị cáo L tổng hợp lại các con số đề rồi bị cáo L gặp trực tiếp chuyển phôi đề và sử dụng điện thoại di động, gắn sim 0766.925.371 chuyển tin nhắn SMS cho bị cáo S các con số đề của 04 người gồm Nguyễn Văn T4; Nguyễn Thị N; Nguyễn Văn N1; một người đàn ông ở đài M với tổng số tiền 758.000 đồng và của Trần Thị L3 ở đài M với số tiền 60.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền bị cáo S và bị cáo L bán số đề vào ngày 20/12/2024 cho bị cáo Nguyễn Bình P; Vương Kim T2; Huỳnh Thị L1; Danh Tý; Nguyễn Hữu L2; Đặng Thị Mỹ K; Nguyễn Văn T4; Nguyễn Thị N; Nguyễn Văn N1; một người đàn ông ở đài M với tổng số tiền là 16.256.000 đồng và Trần Thị L3 ở đài M với số tiền 60.000 đồng; một người đàn ông ở đài Miền B là 120.000 đồng.

Đồng thời, vào ngày 20/12/2024 bị cáo L thỏa thuận hùn tiền với Nguyễn Thị Cẩm N2, sinh năm 1992, ngụ ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh để ghi đề với tỷ lệ hưởng huê hồng là 70%/30% nên sau khi ghi của người chơi thì bị cáo L chuyển cho N2 số đề của Lê Quang T5 ở đài M với số tiền 126.000 đồng; Nguyễn Hoàng D ở đài M với số tiền 281.000 đồng; Nguyễn Văn T4 (số 37 bao lô 5.000 đồng x 14 lô, tính tiền là 70.000 đồng, trúng thưởng 350.000 đồng) với số tiền 420.000 đồng; một người đàn ông ở đài M với số tiền 770.000 đồng và một người phụ nữ ở đài M với số tiền 224.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền bị cáo L chuyển số đề cho N2 04 người ở đài M với số tiền 1.597.000 đồng và 01 người ở đài M với số tiền 224.000 đồng

Đến khoảng 16 giờ 50 phút cùng ngày, khi bị cáo S và bị cáo L đang có hành vi đánh bạc, dưới hình thức ghi số đề, được thua bằng tiền thì bị lực lượng Công an tiến hành kiểm tra phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và tạm giữ các đồ vật, tài liệu liên quan.

Qua làm việc, các bị cáo Trần Văn S, Trương Thị Cẩm L và Nguyễn Bình P thừa nhận hành vi đánh bạc như đã nêu trên. Ngoài ra, bị cáo S và bị cáo L khai nhận còn bán số đề cho người chơi vào ngày 13/12/2024 ở đài M với số tiền 560.000 đồng, ở đài M với số tiền 220.000 đồng, vào ngày 14/12/2024 ở đài M với số tiền 2.500.000 đồng, vào ngày 17/12/2024 ở đài Miền Nam với số tiền 4.238.000 đồng; ở đài M với số tiền 308.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 649/KL-KTHS ngày 08/01/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh T kết luận như sau:

1. Đối tượng giám định ký hiệu A1:

- Phục hồi, trích xuất, tìm kiếm được 19 tin nhắn SMS có nội dung nghi liên quan đến vụ đánh bạc trái phép. Chi tiết thể hiện trong PHỤ LỤC 1.
- Phục hồi, trích xuất, tìm kiếm được 59 tin nhắn Zalo có nội dung nghi liên quan đến vụ đánh bạc trái phép. Chi tiết thể hiện trong PHỤ LỤC 2.

2. Đối tượng giám định ký hiệu A2: Không tìm thấy tin nhắn SMS, tin nhắn Zalo nghi liên quan đến vụ đánh bạc trái phép.

3. Đối tượng giám định ký hiệu A3: Tìm thấy 06 tin nhắn SMS có nội dung nghi liên quan đến vụ đánh bạc trái phép. Chi tiết thể hiện trong PHỤ LỤC 3.

Tìm thấy 08 tin nhắn Zalo có nội dung nghi liên quan đến vụ đánh bạc trái phép. Chi tiết thể hiện trong PHỤ LỤC 3.

4. Đối tượng giám định ký hiệu A4: Không tìm thấy tin nhắn SMS, tin nhắn Zalo nghi liên quan đến vụ đánh bạc trái phép (Bút lục số 272-286).

Đối với những lần mà các bị cáo Trần Văn S, Trương Thị Cẩm L và Nguyễn Bình P có hành vi đánh bạc nhưng chưa đủ định lượng nên Công an huyện T đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bị cáo Trần Văn S với tổng số tiền 112.000.000 đồng và buộc nộp lại số tiền đánh bạc với số tiền 5.026.000 đồng; ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bị cáo Trương Thị Cẩm L với tổng số tiền 105.000.000 đồng và buộc nộp lại số tiền đánh bạc với số tiền 1.484.000 đồng; ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bị cáo Nguyễn Bình P với tổng số tiền 30.000.000 đồng và buộc nộp lại số tiền đánh bạc với số tiền 700.000 đồng.

Đối với Nguyễn Thị Hồng N3, Vương Kim T2, Huỳnh Thị L1, Danh T3, Nguyễn Hữu L2, Đặng Thị Mỹ K, Trần Thị L3, Nguyễn Thị N, Lê Quang T5, Nguyễn Hoàng D, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Văn V có hành vi đánh bạc nhưng chưa đủ định lượng và chưa có tiền án, tiền sự về các hành vi đánh bạc nên Công an huyện T đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Thị Hồng N3 với số tiền 30.000.000 đồng, tịch thu 01 (một) điện thoại di động, hiệu Samsung Galaxy A24, màu xanh, gắn sim 0387.330.931, buộc nộp lại số tiền 350.000 đồng; Công an huyện T ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Vương Minh T7 số tiền 350.000 đồng, tịch thu 01 (một) điện thoại di động, hiệu S1 A10S, màu đen, gắn sim 0986.122.749 và số tiền 980.000 đồng; xử phạt Huỳnh Thị L1 số tiền 350.000 đồng, tịch thu 01 (một) điện thoại di động, hiệu Samsung Galaxy A05, màu xanh, gắn sim 0778.825.733 và số tiền 270.000 đồng; xử phạt Danh T3 số tiền 350.000 đồng, buộc nộp lại số tiền 299.000 đồng; xử phạt Nguyễn Hữu L2 số tiền 700.000 đồng, buộc nộp lại số tiền 1.600.000 đồng; xử phạt Đặng Thị Mỹ K số tiền 350.000 đồng, tịch thu 01 (một) điện thoại di động, hiệu Samsung Galaxy J4, màu xanh, gắn sim 0988.735.107 và số tiền 450.000 đồng; xử phạt Trần Thị L3 số tiền 350.000 đồng, tịch thu số tiền 60.000 đồng; xử phạt Nguyễn Thị N số tiền 350.000 đồng; xử phạt Lê Quang T5 số tiền 350.000 đồng; xử phạt Nguyễn Hoàng D số tiền 350.000 đồng; xử phạt Nguyễn Văn T4 số tiền 350.000 đồng và tịch thu số tiền 450.000 đồng; xử phạt Nguyễn Văn N1 số tiền 350.000 đồng; xử phạt Nguyễn Văn V số tiền 350.000 đồng, theo Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ (Bút lục số 589-614; 615-616; 616a-616d).

Đối với 03 (ba) người đàn ông và 01 (một) người phụ nữ trực tiếp mua số đề mà bị cáo S và bị cáo L bán số đề nhưng không xác định được lai lịch và địa chỉ cụ thể nên cơ quan điều tra chưa có cơ sở để xử lý.

Vật chứng tài liệu, đồ vật hiện tạm giữ gồm có:

+ Tạm giữ của bị cáo Trần Văn S 01 (một) điện thoại di động, hiệu OPPO, màn hình cảm ứng, màu đen, số IMEI 1: 866892054137396; IMEI 2: 866892054137388, có gắn sim 0783.849.149, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động, hiệu S1, màn hình cảm ứng, màu vàng, số IMEI 1: 356446080455152, số IMEI 2: 356447080455150, có gắn sim 0564.231.07701; (một) tờ phôi số đề được bị cáo L bán số đề vào ngày 20/12/2024 rồi đưa cho bị cáo S tính tiền và tiền Việt Nam 1.045.000 đồng.

+ Tạm giữ của bị cáo Trần Thị Cẩm L 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo, màu đen, màn hình cảm ứng, số IMEI 1: 864019078730582, số IMEI 2: 864019078730590, có gắn sim 0326.424.772, 0766.925.371, đã qua sử dụng; 07 tờ phôi số đề, trong đó: 02 (hai) tờ phôi ghi số đề vào ngày 20/12/2024 của bị cáo L4 bán số đề cho người chơi rồi chuyển cho bị cáo S; 05 (năm) tờ phôi ghi số đề, trong đó: 03 (ba) tờ phôi đề ngày 20/12/2024, 02 (hai) tờ phôi số đề ngày 13/12/2024 ở đài Miền Bắc của bị cáo L4 bán số đề cho người chơi chuyển cho bị cáo S; 06 (sáu) tờ phôi số đề của bị cáo L4 bán số đề vào các ngày 14/12/2024; 17/12/2024 và 20/12/2024 rồi đưa cho bị cáo S tính tiền; 01 (một) quyển tập có bìa màu vàng, bên trong có 18 tờ giấy sử dụng ghi số tự chọn của bị cáo S; 03 cây viết mực xanh và tiền Việt Nam là 12.363.000 đồng.

+ Tạm giữ của bị cáo Nguyễn Bình P 01 (một) điện thoại di động, hiệu Vivo Y21, màn hình cảm ứng, màu xanh, số IMEI 1: 861428056437073, số IMEI 2: 861428056437065, có gắn sim 0377.129.434, đã qua sử dụng và số tiền 1.909.000 đồng

Tại Cáo trạng số 14/CT-VKSTC-HS ngày 06 tháng 3 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh đã truy tố các bị cáo Trần Văn S, Trương Thị Cẩm L và Nguyễn Bình P về tội “Đánh bạc” quy định tại điểm khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Văn S, Trương Thị Cẩm L và Nguyễn Bình P đã khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần đã truy tố. Trong quá trình tiến hành tố tụng tại cơ quan điều tra các bị cáo không bị bức cung, không bị cưỡng ép, lời khai của các bị cáo là tự giác, đúng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Sau khi tranh tụng công khai, phân tích nội dung vụ án, hành vi phạm tội của các bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Trần Văn S, Trương Thị Cẩm L và Nguyễn Bình P phạm tội “Đánh bạc”. Vị đề nghị áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017

xử phạt bị cáo Trần Văn S từ 09 tháng đến 01 năm tù, thời hạn tù tính kể từ ngày 20/12/2024. Đề nghị áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trương Thị Cẩm L từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm, giao bị cáo L cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Đề nghị áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Bình P từ 06 tháng đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính kể từ ngày bị cáo P chấp hành án.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị xử phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Văn S số tiền 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng; bị cáo Trương Thị Cẩm L số tiền 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng; bị cáo Nguyễn Bình P số tiền 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng. Ngoài ra vị còn đề nghị xử lý vật chứng và buộc bị cáo theo chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo Trần Văn S, Trương Thị Cẩm L và Nguyễn Bình P thống nhất với quan điểm luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, không tranh luận với Kiểm sát viên.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Văn S phát biểu ý kiến: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay có đủ cơ sở khẳng định bị cáo Trần Văn S đã trực tiếp ghi số đề. Cho nên việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần truy tố bị cáo về tội “Đánh bạc”, theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội đúng pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo S đã ảnh hưởng đến trật tự xã hội. Tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo đã nhận thấy lỗi lầm, bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có mẹ ruột là người có công với cách mạng, việc ghi đề của bị cáo không phải là thu nhập chính mà chỉ muốn gia tăng thu nhập nuôi con, bị cáo đang bị bệnh nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Lời nói sau cùng của bị cáo Trần Văn S: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo ở khung hình phạt nhẹ nhất để bị cáo có điều kiện về nuôi dạy con.

Lời nói sau cùng của bị cáo Trương Thị Cẩm L: Bị cáo hối hận những gì đã làm nên mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Bình P: Bị cáo hối hận những gì đã làm nên mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, Kiểm sát viên:

Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định.

[2] Về hành vi và tội danh của các bị cáo Trần Văn S, Trương Thị Cẩm L và Nguyễn Bình P:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa các bị cáo Trần Văn S, Trương Thị Cẩm L và Nguyễn Bình P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp với Cáo trạng truy tố, cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Từ đó Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định: Khoảng 17 giờ 50 phút ngày 20/12/2024 tại nhà bà Trang Thị Đ, toạ lạc ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh, bị cáo Trần Văn S và bị cáo Trương Thị Cẩm L có hành vi đánh bạc, dưới hình thức ghi số đề, được thua bằng tiền ở đài M cho 09 người với tổng số tiền đánh bạc là 16.228.000 đồng. Trong đó: bị cáo Nguyễn Bình P đánh bạc với số tiền 11.409.000 đồng và các đối tượng Vương Kim T2 đánh bạc với số tiền 1.680.000 đồng; Huỳnh Thị L1 đánh bạc với số tiền 270.000 đồng; Danh T3 đánh bạc với số tiền 649.000 đồng; Nguyễn Hữu L2 đánh bạc với số tiền 1.040.000 đồng; Đặng Thị Mỹ K đánh bạc với số tiền 450.000 đồng; Nguyễn Văn T4 đánh bạc với số tiền 280.000 đồng; Nguyễn Thị N đánh bạc với số tiền 370.000 đồng; Nguyễn Văn N1 đánh bạc với số tiền 80.000 đồng.

Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Trần Văn S, Trương Thị Cẩm L và Nguyễn Bình P đã phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo thể hiện tính trái pháp luật, nguy hiểm cho xã hội với lỗi cố ý trực tiếp. Các bị cáo hoàn toàn ý thức được hành vi đánh bạc được thua bằng tiền với hình thức ghi số đề là vi phạm pháp luật và là tệ nạn xã hội. Tuy nhiên bị cáo vì ham thu lợi bất chính nên dẫn đến hành vi phạm tội như đã nêu trên. Khi thực hiện hành vi các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm do hành vi phạm tội gây ra. Hành vi của các bị cáo gây ra mất an ninh, trật tự tại địa phương, làm ảnh hưởng xấu đến công tác quản lý của chính quyền địa phương, ảnh hưởng đến nếp sống văn hóa, văn minh của nhân dân. Hành vi của các bị cáo cần thiết phải được xử lý trước pháp luật để giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ tỏ ra ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đồng thời, bị cáo Trần Văn S có mẹ

là bà Trang Thị Đ là người có công với cách mạng, bị cáo Trương Thị Cẩm L có trình độ học vấn thấp, không am hiểu pháp luật nên bị cáo S và bị cáo L được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đối với hành vi phạm tội của bị cáo Trần Văn S mang tính chất chủ mưu, bị cáo S chủ động rủ rê, lôi kéo vợ là bị cáo Trương Thị Cẩm L ghi sổ đề rồi chuyển cho bị cáo S để cùng nhau kiếm thêm tiền nuôi con. Do đó, cần phải xử lý nghiêm cách ly bị cáo S ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Đối với bị cáo Trương Thị Cẩm L cùng giúp sức với bị cáo S nhằm thu lợi bất chính, lý ra cũng cần cách ly ra khỏi xã hội để đảm bảo tính răn đe tuy nhiên bị cáo L tham gia với tính chất đồng phạm giản đơn, là người thực hành theo đề xuất của bị cáo S, bị cáo L có nơi cư trú rõ ràng. Đồng thời, bị cáo S và L là vợ chồng nếu cách ly cả hai bị cáo sẽ không đảm bảo cho việc nuôi dạy con, xét thấy nên cho bị cáo L được hưởng án treo để có điều kiện nuôi con nhỏ nhằm thể hiện tính nhân văn và sự khoan dung của pháp luật. Đối với bị cáo P tuy chỉ tham gia đánh bạc trực tiếp với bị cáo S nhưng bị cáo P đánh bạc với số tiền 11.409.000 đồng, gấp đôi số tiền định lượng để khởi tố tội đánh bạc do đó cần xử nghiêm cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đảm bảo tính răn đe.

[4] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không thuộc hộ nghèo hoặc cận nghèo do đó cần phạt bổ sung bị cáo Trần Văn S số tiền 15.000.000 đồng; bị cáo Trương Thị Cẩm L 10.000.000 đồng; bị cáo Nguyễn Bình P 10.000.000 đồng để răn đe các bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Đối với các phơi đề và cuốn sổ là chứng cứ quan trọng chứng minh tội phạm cần lưu hồ sơ vụ án.

Đối với các điện thoại là công cụ phạm tội cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

Đối số tiền thu giữ là tiền đánh bạc, tiền thu lợi bất chính cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

Đối với các khoản tiền cá nhân của bị cáo cần tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

[6] Ý kiến của vị luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Văn S là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà về tội danh, hình phạt, về xử lý vật chứng là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[8] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có

quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Trần Văn S, Trương Thị Cẩm L và Nguyễn Bình P phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về áp dụng điều luật và xử phạt:

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trần Văn S 09 (chín) tháng tù, thời hạn phạt tù được tính từ ngày 20/12/2024. Phạt bổ sung bị cáo Trần Văn S nộp số tiền 15.000.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trương Thị Cẩm L 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là 01 (một) năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án ngày 08/5/2025. Giao bị cáo Trương Thị Cẩm L cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh nơi bị cáo cư trú giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung bị cáo Trương Thị Cẩm L nộp số tiền 10.000.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

Gia đình bị cáo Trương Thị Cẩm L có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo có thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Bình P 06 (sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Bình P nộp số tiền 10.000.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động, hiệu OPPO, màn hình cảm ứng, màu đen, số IMEI 1: 866892054137396; IMEI 2: 866892054137388, có gắn sim 0783.849.149, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại

di động, hiệu S1, màn hình cảm ứng, màu vàng, số IMEI 1: 356446080455152, số IMEI 2: 356447080455150, có gắn sim 0564.231.07701 của bị cáo Trần Văn S; 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo, màu đen, màn hình cảm ứng, số IMEI 1: 864019078730582, số IMEI 2: 864019078730590, có gắn sim 0326.424.772, 0766.925.371, đã qua sử dụng của bị cáo Trương Thị Cẩm L; 01 (một) điện thoại di động, hiệu Vivo Y21, màn hình cảm ứng, màu xanh, số IMEI 1: 861428056437073, số IMEI 2: 861428056437065, có gắn sim 0377.129.434, đã qua sử dụng của bị cáo Nguyễn Bình P.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền Việt Nam 120.000 đồng của bị cáo Trần Văn S đã giao nộp; số tiền 1.113.000 đồng của bị cáo L, 1.209.000 đồng của bị cáo P dùng vào việc đánh bạc.

Buộc bị cáo S tiếp tục nộp số tiền 11.250.000 đồng và bị cáo L nộp số tiền 1.242.000 đồng tiền đánh bạc.

- Tiếp tục quản lý số tiền 12.175.000 đồng của bị cáo Trương Thị Cẩm L để đảm bảo thi hành án cho bị cáo L và bị cáo S. Hiện khoản tiền trên do Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện T tạm giữ (Tài khoản số 394909101797 mở tại KB: 84701008 – Kho bạc Nhà nước Tiểu Cần).

- Tịch thu tiêu hủy 03 (ba) cây viết mực, màu xanh.

- Tịch thu lưu hồ sơ vụ án 01 (một) tờ phơi số đề được bị cáo L bán số đề vào ngày 20/12/2024 rồi đưa cho bị cáo S tính tiền; 07 tờ phơi số đề, trong đó: 02 (hai) tờ phơi ghi số đề vào ngày 20/12/2024 của bị cáo L bán số đề cho người chơi rồi chuyển cho bị cáo S; 05 (năm) tờ phơi ghi số đề, trong đó: 03 (ba) tờ phơi đề ngày 20/12/2024, 02 (hai) tờ phơi số đề ngày 13/12/2024 ở đài Miền Bắc của bị cáo L bán số đề cho người chơi chuyển cho bị cáo S; 06 (sáu) tờ phơi số đề của bị cáo L bán số đề vào các ngày 14/12/2024; 17/12/2024 và 20/12/2024 rồi đưa cho bị cáo S tính tiền; 01 (một) quyển tập có bìa màu vàng, bên trong có 18 tờ giấy sử dụng ghi số tự chọn của bị cáo S.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Trần Văn S, Trương Thị Cẩm L và Nguyễn Bình P mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật để xin Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 7c và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- CC THADS huyện Tiểu Cần;
- Công an huyện Tiểu Cần;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS (...)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Võ Thị Ngọc Quyền**